TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2024
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Hảo;
2/ Bà Nguyễn Thị Phẩm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/HNGĐ- ST ngày 20/7/2023 về việc "tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 07/12/1976; CCCD 025176006299; Địa chỉ: Khu X, xã T Đ, huyện T T, tỉnh Phú Thọ; Đang ở Đài Loan.

+ Người được ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Vũ Đình T; Địa chỉ: Số X, đường M L, phường T C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1969; CCCD 025069013655; Địa chỉ: Khu X, xã T Đ, huyện T T, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/11/2002; Địa chỉ: Khu X, xã T Đ, huyện T T, tỉnh Phú Thọ.

(Anh H, Chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T Đ ngày 27/02/2002. Hiện nay chị và anh H không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân với nhau nhiều năm. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh H có 1 con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/11/2002. Vì cháu đã lớn trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, riêng: Trước khi kết hôn, năm 2019 chị có thửa đất số 444, tờ bản đồ 27, diện tích 116,7m2 do bố mẹ chị cho riêng chị, mang tên Nguyễn Thị Thanh H, tại Khu X, xã T Đ, huyện T T, tỉnh Phú Thọ.

Năm 2002 chị kết hôn với anh Nguyễn Quốc H, vì không có tiền làm nhà nên năm 2004 đến năm 2006 chị phải đi lao động tại Đài Loan để lấy tiền xây nhà, xây nhà xong vẫn thiếu tiền nên năm 2009 đến nay chị lại phải đi lao động tại Đài Loan để trả nợ nốt tiền vay xây nhà. Hiện nay trên thửa đất số 444, tờ bản đồ 27, diện tích 116,7 m2 tại Khu X, xã T Đ, huyện T T mang tên Nguyễn Thị Thanh H có một nhà ở. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét, phân chia tài sản theo quy định.

Về nợ: Hiện nay chị không nợ ai, vì vậy chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai về phần tài sản chị đề nghị Tòa án phân chia tài sản theo quy định của pháp luật. Chị xin gửi lại nhà và đất để sau này cho con chị là cháu Nguyễn Việt H ở và sinh sống. Còn các tài sản khác chị không đòi hỏi và phân chia. Ngoài ra chị và anh H không nợ nần ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Giấy ủy quyền ngày 17/5/2023, Chị H ủy quyền cho ông Vũ Đình T; Địa chỉ: Số 164, đường M L, phường T C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ nhận và giao nộp cho Tòa án các tài liệu liên quan đến vụ án ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Quốc H.

Vì điệu kiện hoàn cảnh, chị không về Việt Nam được để tham gia giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Quốc H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ được vì vậy chị xin xét xử vắng mặt.

Ngày 03/8/2023 Chị H có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của chị, kèm theo đơn đề nghị là đơn khởi kiện về việc xin ly hôn.

Đơn xin xác nhận ngày 14/9/2023 của Chị Nguyễn Thị Thanh H về việc xác nhận Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị H trong giấy đăng ký kết hôn là một người.

Đơn đề nghị ngày 23/11/2023 của Chị H đề nghị Tòa án ghi nhận nhà và đất là tài sản chị được hưởng, khi phân chia trong khối tài sản chung với anh H, chị cho

con trai chị là Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/11/2002.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận được đơn đề ngày 20/12/2023 của Chị Nguyễn Thị Thanh H với nội dung xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản là nhà và đất. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H. Tài sản chung, nợ chung, công sức Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Án phí ly hôn Chị H tự nguyện chịu. Chị H xin giải quyết vắng mặt đến khi án có hiệu lực pháp luật, chị không kháng cáo hay khiếu nại gì.

* Bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày: Về hôn nhân:Anh và Chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn ngày 27/02/2002 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T Đ. Nay vợ chồng anh chị không còn tình cảm vậy anh đồng ý ly hôn với Chị H. Anh đề nghị Tòa án không mở phiên họp hòa giải vì vợ chồng không còn tình cảm. Về con: Có 01 con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/11/2002. Nay cháu đã hơn 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện cháu đang ở cùng anh, tuy nhiên cháu đang đi làm ăn ở Hà Nội, nên không đến Tòa án theo thông báo được (BL 48-51 và BL 82). Cháu H có biết vợ chồng anh chị xin ly hôn và cháu chỉ nói "kệ bố mẹ". Về tài sản về thửa đất hiện anh đang ở là ông bà ngoại cho hai vợ chồng sau khi kết hôn. Sau đó hai vợ chồng xây nhà, tiền do cả hai vợ chồng làm ra. Sau đó có mua tiếp một mảnh đất liền thửa luôn là 120 m2 cùng làm chung trên bìa đỏ đều đứng tên chủ hộ là Nguyễn Thị Thanh H. Ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, khi nào Chị H về Việt Nam thì anh chị giải quyết chia tài sản. Cả hai thửa gộp làm một thửa 236 m2. Chị H khai một thửa đất 116,7 m2 là không đúng. Vì vậy, anh không đồng ý chia tài sản chung, khi nào Chị H về thỏa thuận hợp lý thì anh chị giải quyết. Nợ chung anh chị không có. Công sức đóng góp cả hai vợ chồng là 50/50. Về án phí ly hôn anh đề nghị Chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H xin được giải quyết vắng mặt đến khi án có hiệu lực pháp luật, anh không kháng cáo hay khiếu nại gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Việt H đã được Tòa án thông báo đến Tòa án nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 161, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Quốc H.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về việc chia tài sản quyền sử dụngthửa đất số 444 tờ bản đồ 27 diện tích 116,7m2 tại Khu X, xã T Đ, huyện T T, tỉnh Phú Thọ đứng tên Nguyễn Thị Thanh H và tài sản gắn liền với thửa đất này. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án về việc chia tài sản chung sau ly hôn.

Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện chịu toàn bộ.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu cả 150.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Thanh H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Quốc H có địa chỉ thường trú ở Khu X, xã T Đ, huyện T T, tỉnh Phú Thọ. Chị H hiện đang ở Đài Loan. Tại văn bản số 16885/QLXNC –P5 ngày 04/7/2023 của Cục QLXNC – Bộ công an cung cấp Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 07/12/1976, đã xuất nhập cảnh 15 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 10/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày hiện chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Đơn khởi kiện của Chị H về việc xin ly hôn, Bản tự khai, Đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt, Giấy ủy quyền của Chị Nguyễn Thị Thanh H đều ghi ngày 17/5/2023 không được hợp pháp hóa lãnh sự theo qui định tại Điều 124- Luật hôn nhân và gia đình. Chị H có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt, giấy ủy quyền của Chị Nguyễn Thị Thanh H đều ghi ngày 17/5/2023. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự- công an tỉnh phú Thọ, đã kết luận: Là các chữ ký khác dạng, nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra không. Ngày 08/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận được đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, ghi ngày 05/9/2023 của Chị Nguyễn Thị Thanh H. Tòa án cũng đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của Chị H. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự- công an tỉnh phú Thọ, đã kết luận: Là do cùng một người viết ra. Ngày 10/01/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Phú

Thọ nhận được đơn đề ngày 20/12/2023 của Chị Nguyễn Thị Thanh H với nội dung xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự- công an tỉnh phú Thọ, đã kết luận: Là do cùng một người ký và viết ra. Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc Chị Nguyễn Thị Thanh H xin ly hôn, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản, tự nguyện chịu án phí ly hôn với anh Nguyễn Quốc H là hoàn toàn tự nguyện. Về việc vụ án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được: Do Chị H đang ở Đài Loan. Anh H đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và không mở phiên họp hòa giải vì vợ chồng anh không thể hàn gắn được và anh có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và không mở phiên họp hòa giải. Người có quyền lợi và nghĩa vu liên quan là Anh Nguyễn Việt H, Anh H là con anh H Chị H. Quá trình giải quyết vụ án Anh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, Anh H biết và không có mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, không có bản tự khai gửi Tòa án thể hiện với việc Anh H từ chối quyền trình bày tại Tòa án. Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Chị H, anh H và Anh H.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Quốc H thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Chị H và anh H đều thống nhất cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/11/2002 đã trên 18 tuổi nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung, nợ chung không có. Anh H cũng trình bày nợ chung không có còn công sức 50/50. Do Chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, vì vậy, công sức đóng góp anh H yêu cầu 50/50 Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Sau này Chị H có đề nghị thì giải quyết bằng vụ án khác.

[4]Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng 03 lần là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền giám định chữ ký, chữ viết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của Chị H nên được chấp nhận.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147; Điều 161; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, điều 55, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Thanh H.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị H về phần tài sản.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Quốc H.

2/ Về con chung: Chị H và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết vì cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/11/2002 đã trên 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận Chị H (do ông Vũ Đình T nộp thay) đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000568 ngày 18/7/2023 của cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho Chị H 150.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu tiền chi phí giám định 03 lần là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Xác nhận Chị H (do ông Vũ Đình T nộp thay) đã nộp 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS- AV./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Toàn